

Số/No.: 466 /CV-KTTC

An Giang, ngày 28 tháng 08 năm 2026
An Giang, dated August 28, 2026

Trích yếu: "Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế
Công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước/
Ref: "Explanation of the difference in net profit in the separate
financial statements for the first six months of 2026 compared to the same period last year"

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/Ho Chi Minh Stock Exchange

Công ty Cổ phần Nam Việt (mã chứng khoán: ANV) giải trình chênh lệch lợi
nhuận sau thuế Công ty mẹ như sau/ Nam Viet Corporation (Stock symbol: ANV) explains
the difference in net profit in the separate financial statements as follows:

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2026 lãi 302,4 tỷ đồng, giảm khoảng 10
tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước./ Net profit for the first six months of 2026
reached VND 302,4 billion, a decrease of approximately VND 10 billion compared
to the same period last year:

- Doanh thu thuần đạt 3.896 tỷ đồng, tăng 1.101 tỷ đồng so với cùng kỳ năm
trước, nhờ sản lượng hàng bán ra tăng trưởng mạnh mẽ./ Net revenue reached
VND 3,896 billion, an increase of VND 1,101 billion compared to the same period
last year, driven by strong growth in sales volume.
- Tỷ lệ lợi nhuận gộp giảm 4% so với cùng kỳ năm trước do chi phí nguyên vật
liệu đầu vào tăng./ The gross profit margin decreased by 4% year-on-year due to
rising input material costs.
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 58 tỷ đồng, chủ yếu do khoản lãi tiền gửi
ngân hàng tăng so với cùng kỳ năm trước/ Financial income increased by VND
58 billion, driven primarily by an increase in bank interest income compared to the
same period last year.
- Chi phí tài chính tăng 30 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do chi phí
lãi vay tăng./ Financial expenses increased by VND 30 billion compared to the
same period last year, driven primarily by higher interest expenses.
- Chi phí bán hàng tăng 51 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước/ Selling expenses
increased by VND 51 billion compared to the same period last year.



Công ty giải trình số liệu với quý cơ quan và cổ đông biết/ *We hereby explain to you and our valued shareholders.*

Trân trọng kính chào/ *Yours faithfully,*

Nơi nhận/To:

- Như trên/As above
- Ban TGD/ The BoM
- Lưu VT/To be filed

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
SIGNED FOR GENERAL DIRECTOR



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Minh Cảnh



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2 - 3
3. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	4
4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
5. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	6 - 9
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	10
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	11 - 12
8. Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	13 - 57
9. Phụ lục	58



THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600168736, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 23 tháng 7 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh An Giang cấp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Nuôi cá;
- Sản xuất bao bì giấy;
- In bao bì các loại;
- Sản xuất dầu Bio-diesel. Chi tiết: Chế biến dầu cá và bột cá;
- Mua bán cá, thủy sản;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Khai thác khoáng sản: Crômít, muối mỏ công nghiệp và kim loại màu (Sắt, đồng, chì, kẽm);
- Sản xuất và mua bán phân bón;
- Bán buôn hóa chất;
- Sản xuất, chế biến và mua bán thức ăn thủy sản;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất và bán buôn thuốc thú y, thủy sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất điện năng lượng mặt trời;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Sản xuất keo Gentaline và Glycerin (nguyên liệu để sản xuất vỏ con nhộng chứa thuốc);
- Sản xuất bao bì từ plastic;
- Buôn bán động vật sống;
- Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cho thuê nhà, đất không phải để ở như văn phòng, cửa hàng, trung tâm thương mại, nhà xưởng sản xuất, khu triển lãm và nhà kho, trung tâm thương mại;
- Trồng lúa.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Điện thoại : +84 (0296) 3834060
- Fax : +84 (0296) 3834054



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau đây:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Đại Tây Dương N.V – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Ấn Độ Dương – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Nhà máy Dầu cá Bột cá Ấn Độ Dương – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Doãn Tới	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Minh Ý	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2019
Ông Trần Minh Cảnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ủy ban Kiểm toán

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Nguyễn Thị Minh Ý	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2022
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Doãn Tới	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2020
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2011
Ông Nguyễn Văn Vỹ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Minh Cảnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Thanh Liêm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 3 năm 2022
Ông Doãn Chí Thiên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2026
Bà Dương Thị Kim Hương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Doãn Tới – Tổng Giám đốc.

Ông Doãn Tới đã ủy quyền cho Ông Trần Minh Cảnh – Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 theo Giấy ủy quyền số 01/GUQ-KTTC ngày 01 tháng 01 năm 2024.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công bố của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2026





CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.703.257.782.541	3.273.773.558.696
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		34.076.982.832	28.900.495.029
1. Tiền	111	V.1	34.076.982.832	28.900.495.029
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		651.811.760.635	601.949.949.866
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2a	651.811.760.635	601.949.949.866
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.631.916.584.532	1.498.132.748.410
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.336.521.716.057	1.020.894.117.224
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	268.290.037.647	485.200.184.479
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
3. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	62.399.365.544	28.408.326.888
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(35.294.534.716)	(36.369.880.181)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.172.383.541.251	967.263.261.656
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.196.697.008.956	983.345.456.450
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142	V.7	(24.313.467.705)	(16.082.194.794)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		53.244.008.363	59.221.019.569
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151	V.8	53.244.008.363	59.221.019.569
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		159.824.904.928	118.306.084.166
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.9a	18.784.447.274	20.743.296.759
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		121.626.434.272	85.901.686.268
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165	V.10	19.414.023.382	11.661.101.139



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.024.600.672.525	1.965.705.472.922
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.745.435.000	6.745.435.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	6.745.435.000	6.745.435.000
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		626.599.680.682	537.268.537.918
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	233.866.904.369	128.738.332.235
- Nguyên giá	222		699.850.722.178	570.857.568.374
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(465.983.817.809)	(442.119.236.139)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	61.690.343.414	74.613.591.251
- Nguyên giá	225		87.926.982.840	103.778.136.171
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(26.236.639.426)	(29.164.544.920)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	331.042.432.899	333.916.614.432
- Nguyên giá	228		375.235.022.868	375.235.022.868
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(44.192.589.969)	(41.318.408.436)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		317.849.181.922	347.042.232.713
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.14	317.849.181.922	347.042.232.713
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		1.027.767.704.333	1.034.773.128.304
1. Đầu tư vào công ty con	261	V.2b	966.000.000.000	967.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2b	69.240.000.000	69.240.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2b	20.304.000.000	20.304.000.000
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	V.2b	(27.776.295.667)	(22.270.871.696)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		45.638.670.588	39.876.138.987
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.9b	45.638.670.588	39.876.138.987
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		5.727.858.455.066	5.239.479.031.618



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.117.784.420.954	1.931.894.691.539
I. Nợ ngắn hạn	310		2.095.005.794.475	1.900.443.958.514
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	273.547.740.474	211.978.013.770
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	33.364.006.514	27.071.908.042
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.17	2.262.332.899	2.300.332.899
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.18	53.547.430.185	106.685.857.007
5. Phải trả người lao động	315	V.19	37.224.807.699	47.379.246.281
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.20	24.906.494.415	20.906.463.887
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	V.21	835.431.672	1.678.118.897
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.22	11.710.844.900	9.892.806.493
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.23a	1.657.407.968.739	1.472.244.474.260
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	198.736.978	306.736.978
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		22.778.626.479	31.450.733.025
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.23b	22.778.626.479	31.450.733.025
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.610.074.034.112	3.307.584.340.079
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.25	2.666.675.000.000	2.666.675.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.666.675.000.000	2.666.675.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412	V.25	21.489.209.100	21.489.209.100
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415	V.25	(27.587.629.848)	(27.587.629.848)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	949.497.454.860	647.007.760.827
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		647.007.760.827	647.007.760.827
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		302.489.694.033	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.727.858.455.066	5.239.479.031.618

Phê duyệt, ngày 27 tháng 8 năm 2026


Nguyễn Hoàng Thế Anh
Người lập

Cao Thị Kim Thơ
Kế toán tổng hợp
TUQ của Kế toán trưởngTrần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc
TUQ của Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.940.290.571.772	2.809.751.489.582
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	43.479.053.693	14.035.136.917
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.896.811.518.079	2.795.716.352.665
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	3.368.721.864.460	2.313.247.255.085
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		528.089.653.619	482.469.097.580
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	75.994.650.861	17.829.081.017
8. Chi phí tài chính	23	VI.5	58.234.486.816	28.030.032.228
Trong đó: chi phí đi vay	24		45.997.954.406	25.266.780.578
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	162.361.594.108	111.319.671.858
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	30.304.098.972	26.491.968.119
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		353.184.124.584	334.456.506.392
12. Thu nhập khác	31	VI.8	3.054.586.456	1.567.301.891
13. Chi phí khác	32	VI.9	170.614.825	78.235.400
14. Lợi nhuận khác	40		2.883.971.631	1.489.066.491
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		356.068.096.215	335.945.572.883
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	53.578.402.182	23.125.683.039
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		302.489.694.033	312.819.889.844
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10		
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10		

Phê duyệt, ngày 27 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Hoàng Thế Anh
Người lậpCao Thị Kim Thơ
Kế toán tổng hợp
TUQ của Kế toán trưởngTrần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc
TUQ của Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		356.068.096.215	335.945.572.883
2. Điều chỉnh cho các khoản:		V.9b; V.11;		
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.12; V.13	29.889.090.945	23.526.749.270
- Các khoản dự phòng	03	V.2b; V.6; V.7	13.989.693.451	(22.719.628.907)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(1.610.336.422)	(1.620.327.720)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	VI.4; VI.5;	(54.192.336.901)	(3.755.407.567)
- Chi phí đi vay	06	VI.8; VI.9	45.997.954.406	25.266.780.578
- Các khoản điều chỉnh khác	07	VI.5	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		390.142.161.694	356.643.738.537
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(195.577.541.080)	(338.816.158.870)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(213.351.552.506)	(31.701.034.558)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		59.447.400.138	97.626.718.086
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(4.261.030.073)	3.936.687.370
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14	V.20; VI.5	(46.350.734.238)	(25.947.585.981)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.18	(107.212.341.156)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.24	(108.000.000)	(82.000.000)
- Tăng, giảm tài sản sinh học ngắn hạn			5.977.011.206	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(111.294.626.015)	61.660.364.584
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11; V.14; VII	(69.581.352.056)	(48.864.371.977)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.11; VI.9	58.314.815	22.118.815.243
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(503.966.414.355)	(26.769.489.226)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		461.108.717.105	28.110.043.358
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		170.604.106	3.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.2a; V.5a; VI.4	52.178.926.088	3.778.251.322
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(60.031.204.297)	(18.126.751.280)



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.23	2.362.454.224.867	1.694.460.341.763
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.23	(2.175.418.647.153)	(1.826.221.359.789)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.23	(10.492.040.703)	(27.290.220.553)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17, V.25	(38.000.000)	(18.050.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		176.505.537.011	(159.069.288.579)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		5.179.706.699	(115.535.675.275)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	28.900.495.029	178.210.567.959
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.218.896)	(2.725.239)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	34.076.982.832	62.672.167.445

Phê duyệt, ngày 27 tháng 8 năm 2026


Nguyễn Hoàng Thế Anh
Người lập

Cao Thị Kim Thơ
Kế toán tổng hợp
TUQ của Kế toán trưởngTrần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc
TUQ của Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong nhiều lĩnh vực kinh doanh gồm: nuôi, chế biến thủy sản, sản xuất điện năng lượng mặt trời, sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và cho thuê tài sản. Trong đó thủy sản là lĩnh vực hoạt động chính, chiếm khoảng 98% doanh thu của Công ty trong kỳ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty nuôi cá; chế biến cá xuất khẩu. Sản phẩm chính của Công ty là cá tra và cá rô dưới dạng phile đông lạnh cung cấp cho thị trường trong nước (chiếm khoảng 34%) và xuất khẩu (chiếm khoảng 66%).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Doanh thu của Công ty kỳ này tăng trưởng đáng kể so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do sản lượng xuất khẩu sang thị trường châu Mỹ gia tăng mạnh. Tuy nhiên các chi phí sản xuất, chi phí hoạt động, chi phí lãi vay tăng làm lợi nhuận trước thuế chỉ tăng nhẹ.

6. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	Nuôi trồng thủy sản nội địa	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt	Lô 4A, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Sản xuất thức ăn thủy sản	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt ⁽¹⁾	19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	Sản xuất phân bón và hợp chất ní tơ	0%	0%	0%



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Ngày 05 tháng 3 năm 2026, Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt đã nhận được thông báo giải thể.

Công ty liên doanh

Công ty chi đầu tư vào Công ty TNHH Amicogen Nam Việt có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là chiết xuất và sản xuất Collagen, Gelatin thủy phân dùng cho dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là 50%, tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Đại Tây Dương N.V – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Ấn Độ Dương – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Nhà máy Dầu cá Bột cá Ấn Độ Dương – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Công ty.

8. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán "ANV" theo Quyết định số 160/QĐ-SGDHCM ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Sở Giao dịch Chứng khoán. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 07 tháng 12 năm 2007. Số lượng cổ phiếu đang niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 266.255.750 cổ phiếu, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam ("VND") do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư 200.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

Các thay đổi sau đây, Thông tư 99 không có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể. Do đó, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố:

- Tài sản sinh học.
- Phải trả cổ tức, lợi nhuận.

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới trên đến số liệu so sánh như sau.

	Mã số	Số liệu		Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
		trước điều chỉnh	Các điều chỉnh		
Các khoản tương đương tiền	112	11.661.101.139	(11.661.101.139)	-	(i)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	601.746.094.366	203.855.500	601.949.949.866	(iv)
Hàng tồn kho	141	1.042.566.476.019	(59.221.019.569)	983.345.456.450	(ii)
Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151	-	59.221.019.569	59.221.019.569	(ii)
Tài sản ngắn hạn khác	165	-	11.661.101.139	11.661.101.139	(i)
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	2.300.332.899	2.300.332.899	(iii)
Phải trả ngắn hạn khác	320	12.193.139.392	(2.300.332.899)	9.892.806.493	(iii)

- (i) Điều chỉnh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở xuống bị hạn chế sử dụng từ khoản mục Các khoản tương đương tiền sang khoản mục Tài sản ngắn hạn khác.
- (ii) Điều chỉnh số dư súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần, có chu kỳ ngắn hạn từ khoản mục Hàng tồn kho sang khoản mục Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn.
- (iii) Điều chỉnh số dư phải trả về cổ tức trong khoản mục Phải trả ngắn hạn khác sang trình bày ở khoản mục Phải trả cổ tức, lợi nhuận.
- (iv) Điều chỉnh số dư phải thu cho vay ngắn hạn sang trình bày ở khoản mục Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (trừ các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ). Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày theo số thuận giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" hoặc "Tài sản dài hạn khác" tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua (phí giao dịch, hoa hồng môi giới,...). Lãi dồn tích từ kỳ trước tính đến ngày mua được ghi giảm trừ vào giá gốc của khoản đầu tư tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Thu nhập lãi sau ngày mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dự thu.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy, tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư. Trường hợp các bằng chứng tổn thất giảm đi hoặc không còn trong kỳ sau, phần tổn thất đã ghi nhận được hoàn nhập và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Công ty vay vốn để đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh bị lỗ hoặc khoản đầu tư bị suy giảm giá trị dẫn đến Công ty có khả năng bị mất vốn. Mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên doanh tại cùng thời điểm. Nếu công ty con, công ty liên doanh là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Nếu Công ty vay vốn để đầu tư vào công



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

cụ vốn của đơn vị khác thì chỉ phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại đơn vị được đầu tư tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của đơn vị tại cùng thời điểm.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ. Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường và sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường không được trình bày là hàng tồn kho mà được trình bày là tài sản dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính.

7. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Công ty thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Công ty như sau:

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã xuất dùng liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính (không quá 02 năm).

Chi phí thuê hoạt động

Chi phí thuê hoạt động quyền sử dụng đất phục vụ cho sản xuất, kinh doanh đã trả trước cho nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa

Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng kể từ kỳ tài sản được sửa chữa, bảo dưỡng hoàn thành, đưa vào sử dụng cho đến lần cần sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo (03 năm).

Các chi phí chờ phân bổ khác

Các chi phí khác đã phát sinh có liên quan đến nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo tiêu thức phù hợp với đặc điểm và bản chất của từng khoản chi phí.

8. Tài sản sinh học

Tài sản sinh học là các tài sản sống do Công ty quản lý, kiểm soát quá trình biến đổi sinh học nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc nắm giữ để bán, bao gồm vật nuôi có khả năng tăng trưởng, sinh sản, suy thoái hoặc sản xuất ra tài sản sinh học mới hay sản phẩm nông nghiệp.

Tài sản sinh học của Công ty là cá tra, cá rô phi nuôi thương phẩm và sản xuất sản phẩm, thuộc loại súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần: là súc vật nuôi nhằm mục đích lấy sản phẩm sau một lần thu hoạch để bán. Công ty không nuôi cá bố mẹ hoặc cá giống để sinh sản.

Tài sản sinh học được phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn căn cứ vào thời gian dự kiến thu hoạch còn lại tính từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán:

- Tài sản sinh học ngắn hạn: cá nuôi có thời gian dự kiến thu hoạch từ 12 tháng trở xuống hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường, kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán.
- Tài sản sinh học dài hạn: cá nuôi có thời gian dự kiến thu hoạch trên 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận và đo lường ban đầu

Tài sản sinh học được ghi nhận ban đầu theo giá gốc khi phát sinh. Giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp đến việc mua, chăm sóc, nuôi dưỡng tính đến thời điểm ghi nhận, bao gồm: giá mua con giống, chi phí vận chuyển, đào ao/cải tạo ao nuôi, thức ăn, thuốc và hóa chất phòng, trị bệnh thủy sản, nhân công chăm sóc và các chi phí trực tiếp khác có liên quan. Trường hợp các chi phí phát sinh không làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai của Công ty (ví dụ hao hụt do sự cố ngoài định mức phát sinh trong quá trình nuôi) thì được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, không được vốn hóa vào giá gốc tài sản sinh học.

Đo lường sau ghi nhận ban đầu

Toàn bộ chi phí phát sinh tiếp tục được tích lũy vào giá trị ghi sổ cho đến thời điểm thu hoạch, không trích khấu hao. Khi thu hoạch, toàn bộ giá trị ghi sổ lũy kế được kết chuyển sang giá thành sản phẩm nông nghiệp (hàng tồn kho) trong kỳ thu hoạch. Sau thời điểm thu hoạch, cá thu hoạch được kế toán và trình bày theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 02 – Hàng tồn kho.

Dự phòng tổn thất tài sản sinh học

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, dự phòng tổn thất tài sản sinh học được trích lập khi có dấu hiệu hoặc bằng chứng cho thấy tài sản sinh học bị tổn thất hoặc giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá trị ghi sổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán tài sản sinh học đó. Việc trích lập và hoàn nhập dự phòng tổn thất tài sản sinh học được thực hiện tương tự như đối với hàng tồn kho và hạch toán vào giá vốn hàng bán:



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Nếu số dự phòng phải trích lập tại thời điểm cuối kỳ lớn hơn số dự phòng đang ghi trên sổ kế toán, phần chênh lệch được trích lập bổ sung, ghi tăng dự phòng và ghi tăng giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Nếu số dự phòng phải trích lập tại thời điểm cuối kỳ nhỏ hơn số dự phòng đang ghi trên sổ kế toán, phần chênh lệch được hoàn nhập, ghi giảm dự phòng và ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Trường hợp Công ty bị tổn thất tài sản sinh học do thiên tai, dịch bệnh, hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác dẫn đến phải tiêu hủy/loại bỏ trước thời điểm thu hoạch bình thường, phần giá trị tổn thất được bù đắp bằng dự phòng đã trích lập (nếu có); phần chênh lệch còn lại (nếu số tổn thất thực tế cao hơn số dự phòng đã trích lập) được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 11
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định hữu hình khác	04 – 18

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê. Trường hợp không xác định được lãi suất ngầm định, lãi suất sử dụng là lãi suất ghi trong hợp đồng hoặc lãi suất biên đi vay của Công ty tại thời điểm khởi đầu hợp đồng thuê.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê, tài sản cố định được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05 – 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian có quyền sử dụng đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất ổn định lâu dài không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa chương trình phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 – 05 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay ("VAS 16"). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được tính khấu hao/hao mòn từ thời điểm đưa vào sử dụng.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh thường xuyên hàng kỳ để tài sản hoạt động bình thường được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Đối với các tài sản cố định theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí phát sinh được tập hợp riêng. Khi hoàn thành, chi phí được kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của Pháp luật về chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của doanh nghiệp.

15. Doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ bao gồm: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản và lãi phát sinh từ giao dịch bán và thuê lại tài sản cố định.

Doanh thu chờ phân bổ không bao gồm: các khoản tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; các khoản doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận bao gồm:

- Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Chênh lệch giữa giá mua lại và giá bán tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.
- Phần chênh lệch giữa giá trị nợ gốc trái phiếu chuyển đổi lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành thêm khi chuyển đổi và toàn bộ giá trị quyền chọn chuyển đổi được kết chuyển vào thặng dư vốn bất kể trái chủ có thực hiện quyền chọn hay không.

Chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu thành công được ghi giảm thặng dư vốn. Chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Cổ phiếu mua lại của chính mình

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, toàn bộ số tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu mua lại của chính mình và phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, giá trị thực tế cổ phiếu mua lại được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ bằng cách ghi số âm để ghi giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu. Trường hợp mua lại với mục đích hủy bỏ ngay lập tức, giá trị được ghi giảm trực tiếp vào vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn. Khi tái phát hành, trị giá vốn cổ phiếu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá vốn bình quân được ghi vào thặng dư vốn.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng bằng việc chuyển giao quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu

Doanh thu hoạt động dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu là phí ủy thác Công ty được hưởng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ hoạt động đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào đơn vị đã đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, thời điểm ghi nhận là ngày đăng ký cuối cùng. Đối với khoản đầu tư vào các đơn vị khác, thời điểm ghi nhận được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của đơn vị nhận đầu tư. Chỉ phần cổ tức, lợi nhuận thuộc giai đoạn sau ngày đầu tư mới được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, phần thuộc giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư, chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các khoản này được theo dõi riêng và kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: đây là sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ lập báo cáo.
- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: được ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, là tài sản cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán, được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa chi phí đi vay bắt đầu khi đồng thời thỏa mãn cả ba điều kiện:

- Chi phí cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đã phát sinh;
- Chi phí đi vay đã phát sinh; và
- Các hoạt động cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đang được tiến hành.

Việc vốn hóa tạm ngừng trong các giai đoạn quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bị gián đoạn một cách bất thường. Việc vốn hóa chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Đối với khoản vay riêng biệt phục vụ việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa là chi phí đi vay thực tế phát sinh trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của khoản vay này.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng cho chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Hàng quý, Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp. Cuối năm tài chính, Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ trường hợp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hay nợ phải trả trong một giao dịch không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hay thu nhập chịu thuế tại thời điểm phát sinh.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời đó, đồng thời được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng khi có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu thì không được phản ánh vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào cuối mỗi kỳ kế toán và được giảm xuống trong phạm vi không còn chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế để thu hồi toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên thuế suất và quy định thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi lập Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ với nhau khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

- Công ty con, công ty liên doanh.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giả hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- Doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận.
- Kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn).
- Tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	361.070.281	1.041.658.656
Tiền gửi không kỳ hạn	33.715.912.551	27.858.836.373
- Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited	16.155.673.164	88.047.139
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10.706.524.281	3.023.295.420
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	6.086.702.324	7.243.353.412
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	190.638.115	9.271.746.017
- Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	20.378.034	4.883.006.665
- Các ngân hàng khác	555.996.633	3.349.387.720
Cộng	34.076.982.832	28.900.495.029

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn	651.682.457.155	651.682.457.155	-	601.746.094.366	601.746.094.366	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	410.864.109.590	410.864.109.590	-	277.000.000.000	277.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh An Giang	111.300.000.000	111.300.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP An Bình	82.360.000.000	82.360.000.000	-	79.200.000.000	79.200.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	-	-	186.200.000.000	186.200.000.000	-
Các ngân hàng khác	40.163.882.026	40.163.882.026	-	29.346.094.366	29.346.094.366	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	6.994.465.539	6.994.465.539	-	-	-	-
Cho vay	129.303.480	129.303.480	-	203.855.500	203.855.500	-
Các khoản cho cá nhân vay	119.655.500	119.655.500	-	203.855.500	203.855.500	-
Lãi cho vay dự thu	9.647.980	9.647.980	-	-	-	-
Cộng	651.811.760.635	651.811.760.635	-	601.949.949.866	601.949.949.866	-

Các khoản tiền gửi ngân hàng có giá trị 174.127.991.616 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam, Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam, Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited, Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORNBANK (xem thuyết minh số V.23a) và khoản mở thư tín dụng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Giá gốc	Số cuối kỳ Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Số đầu năm Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào công ty con	966.000.000.000	1.271.568.712.376	(6.700.000.000)	967.500.000.000	1.206.638.285.531	(1.328.342.034)
Công ty TNHH MTV Ẩn Độ Dương ⁽ⁱ⁾	36.000.000.000	190.748.391.261	-	36.000.000.000	160.479.655.525	-
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú ⁽ⁱⁱ⁾	540.000.000.000	533.300.000.000	(6.700.000.000)	540.000.000.000	541.281.474.852	-
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar ⁽ⁱⁱⁱ⁾	180.000.000.000	244.106.243.099	-	180.000.000.000	242.732.474.635	-
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar ^(iv)	5.000.000.000	19.044.775.801	-	5.000.000.000	13.950.996.315	-
Công ty TNHH MTV Ẩn Độ Dương Solar ^(v)	5.000.000.000	18.943.987.037	-	5.000.000.000	14.267.513.927	-
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt ^(vi)	200.000.000.000	265.425.315.178	-	200.000.000.000	233.754.512.311	-
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt ^(vii)	-	-	-	1.500.000.000	171.657.966	(1.328.342.034)
Đầu tư vào công ty liên doanh	69.240.000.000	62.667.151.061	(6.572.848.939)	69.240.000.000	61.660.931.313	(7.579.068.687)
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt ^(viii)	69.240.000.000	62.667.151.061	(6.572.848.939)	69.240.000.000	61.660.931.313	(7.579.068.687)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	20.304.000.000	5.800.553.272	(14.503.446.728)	20.304.000.000	6.940.539.025	(13.363.460.975)
Công ty Cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa	20.304.000.000	5.800.553.272	(14.503.446.728)	20.304.000.000	6.940.539.025	(13.363.460.975)
Cộng	1.055.544.000.000	1.340.036.416.709	(27.776.295.667)	1.057.044.000.000	1.275.239.755.869	(22.270.871.696)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5704000012 đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 15 tháng 9 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Ẩn Độ Dương 36.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602085059 đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 07 tháng 10 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú 540.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602123547 đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 06 tháng 10 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar 180.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602125914 đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 07 tháng 10 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602125939 đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 07 tháng 10 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương Solar 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801723877 đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 18 tháng 10 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt 200.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (vii) Tại ngày 05 tháng 3 năm 2026, Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt đã nhận được thông báo giải thể.
- (viii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801666883 đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 18 tháng 9 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Amicogen Nam Việt 69.240.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

Giá trị có thể thu hồi

Giá trị có thể thu hồi được xác định dựa trên vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư theo tỷ lệ vốn góp, căn cứ vào Báo cáo tài chính giữa niên độ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư không thể xác định một cách đáng tin cậy. Công ty đã ước tính mức dự phòng tổn thất là 27.776.295.667 VND dựa trên thông tin sẵn có. Đây là ước tính kế toán quan trọng và có thể thay đổi khi có thông tin đầy đủ hơn.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh

Ngoài Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt đã giải thể, các công ty con khác và công ty liên doanh đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với cùng kỳ năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	22.270.871.696	22.456.027.894
Trích lập dự phòng bổ sung	6.833.766.005	644.858.701
Xóa sổ dự phòng do thanh lý đầu tư	(1.328.342.034)	-
Số cuối kỳ	27.776.295.667	23.100.886.595

Giao dịch với các công ty con, công ty liên doanh

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con, công ty liên doanh được trình bày tại thuyết minh VIII.1b.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan	256.137.174.229	-	136.657.263.358	-
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt	147.063.542.369	-	41.315.172.464	-
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	80.522.877.838	-	89.052.799.320	-
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	17.142.659.746	-	727.260.080	-
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	11.408.094.276	-	5.562.031.494	-
Phải thu các khách hàng khác	1.080.384.541.828 (34.450.901.166)	-	884.236.853.866 (35.499.246.631)	-
P F C International, INC.	248.010.091.752	-	184.314.031.500	-
Pangamia, INC.	264.829.512.829	-	163.775.105.605	-
Các khách hàng nước ngoài khác	488.689.846.222	-	443.590.387.732	-
Các khách hàng trong nước khác	78.855.091.025 (34.450.901.166)	-	92.557.329.029 (35.499.246.631)	-
Cộng	1.336.521.716.057 (34.450.901.166)	-	1.020.894.117.224 (35.499.246.631)	-

Khoản phải thu có giá trị 180.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (xem thuyết minh số V.23a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	105.881.111.721	301.815.540.420
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	73.018.158.772	5.160.207.221
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt	20.919.871.379	255.823.459.740
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar	6.265.620.865	10.523.199.461
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	5.677.460.705	10.122.117.808
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	-	20.186.556.190
Trả trước cho các người bán khác	162.408.925.926	183.384.644.059
Các nhà cung cấp nước ngoài	3.634.390.480	10.174.905.202
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	121.080.342.019	113.637.465.169
Các nhà cung cấp khác	37.694.193.427	59.572.273.688
Cộng	268.290.037.647	485.200.184.479



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	29.990.906.217	-	2.490.770	-
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt - chi hộ	29.984.864.272	-	-	-
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú – chi hộ	3.877.953	-	-	-
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar – chi hộ	2.163.992	-	2.490.770	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	32.408.459.327 (843.633.550)	28.405.836.118 (870.633.550)		
Tạm ứng	4.411.393.707	-	3.929.758.258	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	4.912.538.690	-
Tiền lãi cho vay	-	-	9.589.458	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	1.595.695.000	-	4.031.191.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	26.401.370.620 (843.633.550)		15.522.758.712 (870.633.550)	
Cộng	62.399.365.544 (843.633.550)		28.408.326.888 (870.633.550)	

5b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

6. Nợ xấu

Công ty có các khoản nợ xấu là các khoản phải thu tiền bán hàng và các khoản phải thu khác. Chi tiết như sau:

Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu tiền bán hàng	36.880.353.337	2.429.452.171		39.442.473.101	3.943.226.470
Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	11.436.716	8.005.701	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	-	-
Từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	-	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	7.608.900.000	3.804.450.000
Từ 02 năm đến dưới 03 năm	8.071.488.234	2.421.446.470	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	462.588.234	138.776.470
Từ 03 năm trở lên	28.797.428.387	-	Từ 03 năm trở lên	31.370.984.867	-
Phải thu khác	843.633.550	-		870.633.550	-
Từ 03 năm trở lên	843.633.550	-	Từ 03 năm trở lên	870.633.550	-
Cộng	37.723.986.887	2.429.452.171		40.313.106.651	3.943.226.470

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	36.369.880.181	43.592.146.762
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	(1.075.345.465)	185.803.520
Số cuối kỳ	35.294.534.716	43.777.950.282



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	1.548.678.000	-	1.634.039.600	-
Nguyên liệu, vật liệu ⁽ⁱ⁾	624.457.813.612	-	457.989.693.514	-
Công cụ, dụng cụ	4.303.710.991	-	3.241.123.878	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.283.419.631	-	1.908.467.370	-
Thành phẩm	493.257.539.806	(23.677.686.396)	518.566.278.313	(16.082.194.794)
Hàng hóa	24.693.775	-	5.853.775	-
Hàng gửi đi bán	70.821.153.141	(635.781.309)	-	-
Cộng	1.196.697.008.956	(24.313.467.705)	983.345.456.450	(16.082.194.794)

- (i) Trong đó, nguyên vật liệu xuất cho các vùng nuôi liên kết có giá trị là 566.836.830.937 VND (số đầu năm là 412.059.197.989 VND).

Hàng tồn kho có trị giá 199.000.000.000 VND (số đầu năm là 243.816.319.587 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội (xem thuyết minh số V.23a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	16.082.194.794	29.863.478.771
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	8.231.272.911	(23.550.291.128)
Số cuối kỳ	24.313.467.705	6.313.187.643

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (thành phẩm) được trích lập thêm do giá thành tăng. Công ty trích lập dự phòng cho toàn bộ lượng thành phẩm tồn kho có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

8. Tài sản sinh học

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn				
Cá rô phi	31.015.007.365	31.015.007.365	13.991.586.297	13.991.586.297
Cá tra	22.229.000.998	22.229.000.998	45.229.433.272	45.229.433.272
Cộng	53.244.008.363	53.244.008.363	59.221.019.569	59.221.019.569

Công ty nuôi cá tra, cá trê, cá rô phi ở các vùng nuôi trên địa bàn tỉnh An Giang và tỉnh Đồng Tháp.

Đây là súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần, có chu kỳ ngắn hạn, thời gian nuôi dưới 12 tháng. Cá được thu hoạch khi đạt kích cỡ theo yêu cầu của từng đơn hàng. Sau khi thu hoạch, toàn bộ sản lượng được chuyển về nhà máy của Công ty để thực hiện chế biến thành sản phẩm cá đông lạnh phục vụ nhu cầu tiêu thụ trong nước và quốc tế.

Không có biến động dự phòng tổn thất của tài sản sinh học ngắn hạn trong kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí chờ phân bổ

9a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê tài sản trên đất	220.000.000	660.000.001
Chi phí sửa chữa	11.199.324.767	10.819.398.076
Công cụ, dụng cụ	2.799.765.638	3.735.748.754
Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	4.565.356.869	5.528.149.928
Cộng	18.784.447.274	20.743.296.759

9b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	23.365.794.790	23.823.142.747
Chi phí sửa chữa	10.607.448.889	6.565.219.675
Công cụ, dụng cụ	4.349.818.150	4.118.574.408
Các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	7.315.608.759	5.369.202.157
Cộng	45.638.670.588	39.876.138.987

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORNBANK – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	7.650.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	6.535.000.000	6.535.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang ⁽ⁱⁱ⁾	5.229.023.382	5.126.101.139
Cộng	19.414.023.382	11.661.101.139

(i) Các khoản tiền gửi được thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng này (xem thuyết minh số V.23a).

(ii) Khoản tiền gửi được thế chấp để đảm bảo cho khoản mở thư tín dụng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang.

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	110.587.346.732	354.137.890.607	49.709.447.686	12.156.047.579	44.266.835.770	570.857.568.374
Mua trong kỳ	-	62.087.571.416	1.256.702.300	1.298.000.000	-	64.642.273.716
Đầu tư XD CB hoàn thành	5.588.850.937	-	626.406.236	-	48.031.190.376	54.246.447.549
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	15.355.319.997	495.833.334	-	-	15.851.153.331
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.480.245.541)	(266.475.251)	-	-	(5.746.720.792)
Số cuối kỳ	116.176.197.669	426.100.536.479	51.821.914.305	13.454.047.579	92.298.026.146	699.850.722.178

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	93.065.923.285	218.444.605.228	25.542.941.212	4.786.160.509	20.709.285.045	362.548.915.279
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	105.084.749.630	260.314.926.808	32.273.832.983	6.825.128.949	37.620.597.769	442.119.236.139
Khấu hao trong kỳ	835.708.373	13.284.872.427	2.246.087.407	802.451.306	2.010.420.843	19.179.540.356
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	10.128.843.266	177.083.327	-	-	10.305.926.593
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.480.245.541)	(140.639.738)	-	-	(5.620.885.279)
Số cuối kỳ	105.920.458.003	278.248.396.960	34.556.363.979	7.627.580.255	39.631.018.612	465.983.817.809
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	5.502.597.102	93.822.963.799	17.435.614.703	5.330.918.630	6.646.238.001	128.738.332.235
Số cuối kỳ	10.255.739.666	147.852.139.519	17.265.550.326	5.826.467.324	52.667.007.534	233.866.904.369
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Trong kỳ và tại ngày kết thúc kỳ kế toán, không có tài sản cố định hữu hình nào đang hiện hữu có nguyên giá hoặc giá trị còn lại chiếm từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình trở lên.

Chi tiết các tài sản cố định hữu hình đã thanh lý trong kỳ như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Máy nén lạnh Hasegawa	3.185.912.328	3.185.912.328	-
Máy nén Hasegawa 2 cầu	597.243.253	597.243.253	-
Các tài sản khác	1.963.565.211	1.837.729.698	125.835.513
Cộng	5.746.720.792	5.620.885.279	125.835.513

12. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	32.689.661.019	71.088.475.152	103.778.136.171
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(15.355.319.997)	(495.833.334)	(15.851.153.331)
Số cuối kỳ	17.334.341.022	70.592.641.818	87.926.982.840
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	15.444.976.739	13.719.568.181	29.164.544.920
Khấu hao trong kỳ	1.427.342.284	5.950.678.815	7.378.021.099
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(10.128.843.266)	(177.083.327)	(10.305.926.593)
Số cuối kỳ	6.743.475.757	19.493.163.669	26.236.639.426



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	17.244.684.280	57.368.906.971	74.613.591.251
Số cuối kỳ	10.590.865.265	51.099.478.149	61.690.343.414

Danh mục tài sản cố định thuê tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà - Solar Nhà máy thức ăn mới cụm 2	11.561.994.220	4.034.654.240	7.527.339.980
Tài sản thuê tài chính khác	76.364.988.620	22.201.985.186	54.163.003.434
Cộng	87.926.982.840	26.236.639.426	61.690.343.414

Công ty được quyền mua tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	374.954.031.868	280.991.000	375.235.022.868
Số cuối kỳ	374.954.031.868	280.991.000	375.235.022.868
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.204.952.117	280.991.000	2.485.943.117
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	41.037.417.436	280.991.000	41.318.408.436
Khấu hao trong kỳ	2.874.181.533	-	2.874.181.533
Số cuối kỳ	43.911.598.969	280.991.000	44.192.589.969
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	333.916.614.432	-	333.916.614.432
Số cuối kỳ	331.042.432.899	-	331.042.432.899
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 192.021.431.057 VND (số đầu năm là 93.201.995.356 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng TMCP Quân đội (xem thuyết minh số V.23a).

Danh mục tài sản cố định vô hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất Khu vực Mỹ Long (993,1m ²) DE461105	102.233.551.852	11.677.025.752	90.556.526.100
Tài sản cố định vô hình khác	273.001.471.016	32.515.564.217	240.485.906.799
Cộng	375.235.022.868	44.192.589.969	331.042.432.899



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	<i>111.744.927.636</i>	<i>26.438.028.880</i>	<i>(59.681.956.516)</i>	-	<i>78.501.000.000</i>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>231.447.371.444</i>	<i>61.894.748.402</i>	<i>(54.246.447.549)</i>	<i>(25.528.541)</i>	<i>239.070.143.756</i>
Dự án khu nuôi trồng thủy sản – Đất	209.428.754.654	-	-	-	209.428.754.654
Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản	15.978.986.090	60.732.911.974	(48.201.560.747)	-	28.510.337.317
Nhà máy đông lạnh thủy sản	5.775.041.676	1.050.951.111	(5.943.271.485)	(25.528.541)	857.192.761
Các hạng mục khác	264.589.024	110.885.317	(101.615.317)	-	273.859.024
<i>Sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	<i>3.849.933.633</i>	<i>1.254.858.713</i>	-	<i>(4.826.754.180)</i>	<i>278.038.166</i>
Cộng	347.042.232.713	89.587.635.995	(113.928.404.065)	(4.852.282.721)	317.849.181.922

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>37.179.704.211</i>	<i>11.350.162.845</i>
Công ty TNHH Đại Tây Dương	31.796.235.751	11.130.825.576
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	5.081.734.470	-
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	241.733.990	219.337.269
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	60.000.000	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>236.368.036.263</i>	<i>200.627.850.925</i>
Các nhà cung cấp trong nước	136.941.480.354	166.998.301.733
Phải trả tiền nuôi cá cho các chủ vùng nuôi	90.581.915.757	23.479.394.639
Các nhà cung cấp nước ngoài	8.844.640.152	10.150.154.553
Cộng	273.547.740.474	211.978.013.770

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng trong nước	5.270.611.117	10.286.614.843
Các khách hàng nước ngoài	28.093.395.397	16.785.293.199
Cộng	33.364.006.514	27.071.908.042

17. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Khoản cổ tức chưa thanh toán do các cổ đông nhỏ chưa nhận.

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.029.350.759	(1.029.350.759)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	59.542.902	(59.542.902)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	106.329.284.463	53.578.402.182	(107.212.341.156)	52.695.345.489
Thuế thu nhập cá nhân	345.044.944	1.641.220.741	(1.143.959.453)	842.306.232

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế tài nguyên	3.667.600	37.495.368	(31.384.504)	9.778.464
Các loại thuế khác	-	2.889.260	(2.889.260)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	7.860.000	-	(7.860.000)	-
Cộng	<u>106.685.857.007</u>	<u>56.348.901.212</u>	<u>(109.487.328.034)</u>	<u>53.547.430.185</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu 0%
- Cá nguyên liệu – Công ty tự nuôi bán tổ chức, cá nhân Không chịu thuế
- Cá nguyên liệu – Công ty mua ngoài bán tổ chức Không kê khai tính thuế
- Cá nguyên liệu – Công ty mua ngoài bán cá nhân 5%
- Sản phẩm dịch vụ khác ⁽ⁱ⁾ 10%

- ⁽ⁱ⁾ Trong kỳ, Công ty được giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng từ 10% xuống 8% đối với một số hàng hóa, dịch vụ theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2025 trở đi, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất theo từng hoạt động sau:

- Thu nhập từ hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời được áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2020 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập từ hoạt động này.
- Thu nhập từ hoạt động nuôi trồng trong địa bàn khó khăn được áp dụng thuế suất 10%.
- Thu nhập từ hoạt động nuôi trồng, chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 15%.
- Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	356.068.096.215	335.945.572.883
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Chi phí lãi vay được chuyển ⁽ⁱ⁾	-	(19.411.077.559)
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	9.730.345.951	6.308.598.598
- Các khoản điều chỉnh giảm	(4.462.993.829)	(2.580.498.621)
Thu nhập chịu thuế	361.335.448.337	320.262.595.301
Thu nhập được miễn thuế	(32.120.000.000)	(2.400.000.000)



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lũ các năm trước được chuyển	-	(193.207.914.427)
Thu nhập tính thuế	329.215.448.337	124.654.680.874
Trong đó:		
- Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 10%)	2.545.453.530	-
- Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 15%)	255.318.522.966	36.105.062.698
- Thu nhập không được hưởng ưu đãi	71.351.471.841	88.549.618.176
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	52.822.618.166	23.125.683.039
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(127.272.677)	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	883.056.693	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	53.578.402.182	23.125.683.039

- (b) Chi phí lãi vay không được trừ này được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp theo sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 5.000 VND/m³x8%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

19. Phải trả người lao động

Lương còn phải trả người lao động.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	2.257.904.763	2.610.684.595
Chi phí vận chuyển	3.301.340.640	2.509.757.320
Chi phí hoa hồng môi giới	16.793.439.133	13.050.774.782
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.553.809.879	2.735.247.190
Cộng	24.906.494.415	20.906.463.887

21. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền trả trước về cho thuê đất	411.400.994	1.175.876.413
Lãi phát sinh từ giao dịch bán và thuê lại tài sản cố định	424.030.678	502.242.484
Cộng	835.431.672	1.678.118.897



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

22. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản bảo hiểm phải nộp và kinh phí công đoàn	5.580.467.295	4.876.111.248
Nhận ký quỹ ngắn hạn	2.001.077.680	626.530.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.129.299.925	4.390.165.245
Cộng	11.710.844.900	9.892.806.493

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

23. Vay và nợ thuê tài chính

23a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.639.036.462.327	1.452.053.033.691
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(a)	586.032.790.335	399.309.034.549
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang ^(b)	373.843.943.588	483.453.594.843
Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited ^(c)	236.634.894.678	134.718.296.606
Ngân hàng TMCP Quân đội ^(d)	129.876.837.657	182.521.800.218
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam ^(e)	105.814.498.403	83.743.892.500
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam ^(f)	79.739.365.127	
Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(g)	64.951.442.500	65.263.746.000
Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORNBANK – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(h)	54.145.670.606	
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) ⁽ⁱ⁾	4.356.158.400	10.469.553.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) ^(j)	3.640.861.033	92.573.115.975
Nợ thuê tài chính đến hạn trả <i>(xem thuyết minh số V.23b)</i>	18.371.506.412	20.191.440.569
Cộng	1.657.407.968.739	1.472.244.474.260

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.13) của Công ty.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.13) của Công ty.
- (c) Khoản vay Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a) của Công ty và bảo lãnh cá nhân của Ông Đoàn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (xem thuyết minh số VIII.1a).
- (d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.13) của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (e) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a) của Công ty, bảo lãnh cá nhân của Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và Ông Doãn Chí Thiên – Phó Tổng Giám đốc Công ty (xem thuyết minh số VIII.1a).
- (f) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (xem thuyết minh số V.2a) của Công ty.
- (g) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.10) của Công ty.
- (h) Khoản vay Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORNBANK – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a và V.10) của Công ty và bảo lãnh cá nhân của Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty (xem thuyết minh số VIII.1a).
- (i) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được bảo lãnh cá nhân của Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty (xem thuyết minh số VIII.1a).
- (j) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a) của Công ty, khoản phải thu (xem thuyết minh số V.3) của Công ty và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.13) của Công ty.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
Kỳ này						
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	1.452.053.033.691	2.362.454.224.867	-	(2.175.418.647.153)	(52.149.078)	1.639.036.462.327
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	20.191.440.569	-	8.672.106.546	(10.492.040.703)	-	18.371.506.412
Cộng	1.472.244.474.260	2.362.454.224.867	8.672.106.546	(2.185.910.687.856)	(52.149.078)	1.657.407.968.739
Kỳ trước						
Vay ngắn hạn bên liên quan	3.470.000.000	-	-	(3.470.000.000)	-	-
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	1.217.463.221.327	1.694.460.341.763	-	(1.822.751.359.789)	-	1.089.172.203.301
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	32.944.856.534	-	13.996.708.430	(18.751.362.679)	-	28.190.202.285
Cộng	1.253.878.077.861	1.694.460.341.763	13.996.708.430	(1.844.972.722.468)	-	1.117.362.405.586



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**23b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn các cá nhân khác ⁽ⁱ⁾	150.000.000	150.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	22.628.626.479	31.300.733.025
Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị và phương tiện vận tải, truyền dẫn	11.951.906.369	17.660.342.232
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị	9.474.320.110	12.137.390.793
Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV – Sumi Trust để mua máy móc thiết bị	1.202.400.000	1.503.000.000
Cộng	22.778.626.479	31.450.733.025

- (i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ông Mai Văn Nam để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 07 năm.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Tổng nợ</u>
Số cuối kỳ			
Vay dài hạn cá nhân	-	150.000.000	150.000.000
Nợ thuê tài chính	18.371.506.412	22.628.626.479	41.000.132.891
Cộng	18.371.506.412	22.778.626.479	41.150.132.891
Số đầu năm			
Vay dài hạn cá nhân	-	150.000.000	150.000.000
Nợ thuê tài chính	20.191.440.569	31.300.733.025	51.492.173.594
Cộng	20.191.440.569	31.450.733.025	51.642.173.594

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển sang nợ ngắn hạn</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Kỳ này					
Vay dài hạn cá nhân	150.000.000	-	-	-	150.000.000
Nợ thuê tài chính	31.300.733.025	-	-	(8.672.106.546)	22.628.626.479
Cộng	31.450.733.025	-	-	(8.672.106.546)	22.778.626.479
Kỳ trước					
Vay dài hạn cá nhân	150.000.000	-	-	-	150.000.000
Nợ thuê tài chính	35.383.793.195	28.151.906.000	(8.538.857.874)	(13.996.708.430)	41.000.132.891
Cộng	35.533.793.195	28.151.906.000	(8.538.857.874)	(13.996.708.430)	41.150.132.891

23c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	163.631.160	-	163.631.160
Quỹ phúc lợi	143.105.818	(108.000.000)	35.105.818
Cộng	306.736.978	(108.000.000)	198.736.978

25. Vốn chủ sở hữu

25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày tại Phụ lục đính kèm.

25b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Doãn Tới	1.466.100.000.000	1.466.100.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	295.288.000.000	295.288.000.000
Ông Doãn Chí Thiên	21.419.980.000	1.419.980.000
Các cổ đông khác	879.749.520.000	899.749.520.000
Cộng	2.662.557.500.000	2.662.557.500.000

25c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	266.667.500	266.667.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	266.667.500	266.667.500
- Cổ phiếu phổ thông	266.667.500	266.667.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	411.750	411.750
- Cổ phiếu phổ thông	411.750	411.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	266.255.750	266.255.750
- Cổ phiếu phổ thông	266.255.750	266.255.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

25d. Phân phối lợi nhuận

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 số 73/NQ.ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Công ty đã quyết định chia cổ tức đợt 2 năm 2025 cho các cổ đông với tỷ lệ 5%/mệnh giá. Tổng số cổ tức sẽ trả ước tính khoảng 133.127.875.000 VND. Khoản cổ tức phải trả này chưa được ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ do Hội đồng quản trị chưa ban hành Nghị quyết về ngày chốt quyền nhận cổ tức.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

26. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
26a. Tài sản cầm cố, thế chấp

	Giá trị sổ sách		Thời gian cầm cố, thế chấp	Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (xem thuyết minh số V.2a)	174.127.991.616	245.546.094.366		
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	103.964.109.590	-	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	17.070.000.000	12.570.000.000	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited	12.393.882.026	11.176.094.366	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	6.100.000.000	5.600.000.000	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORNBANK	4.600.000.000	-	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORNBANK
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội	-	186.200.000.000	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Quân đội
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	30.000.000.000	30.000.000.000	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
Phải thu của khách hàng (xem thuyết minh số V.3)	180.000.000.000	210.000.000.000	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7)	199.000.000.000	243.816.319.587		
Giá trị hàng tồn kho cá tra và cá rô phi	199.000.000.000	199.000.000.000	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Quân đội
Giá trị hàng tồn kho cá rô phi	-	44.816.319.587	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Tài sản ngắn hạn khác (xem thuyết minh số V.10)	19.414.023.382	11.661.101.139		
Tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORNBANK – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	7.650.000.000	-	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORNBANK – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	6.535.000.000	6.535.000.000	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Giá trị số sách		Thời gian cầm cố, thế chấp	Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang	5.229.023.382	5.126.101.139	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang
Tài sản cố định vô hình (xem thuyết minh số V.13)	192.021.431.057	93.201.995.356		
Quyền sử dụng đất Nhà máy đóng lạnh	6.359.642.066	6.359.642.066	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất Nhà máy Nhà máy Thái Bình Dương	9.732.918.784	9.732.918.784	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Quyền sử dụng đất nhà máy Bao Bì (13.600,8m ²) số sổ CT10550	11.439.625.882	11.627.160.730	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Quyền sử dụng đất nhà làm việc 3 lầu (3.368,7m ²) số sổ CT10549	2.833.411.874	2.879.861.246	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Quyền sử dụng đất nhà máy (11.973,8m ²) số sổ CT10551	10.071.157.030	10.236.257.962	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Quyền sử dụng đất 20 căn khu Xẻo Trôm	54.844.183	54.844.183	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Phú Thuận BR626037 (600m ²)	67.364.833	67.364.833	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Phú Thuận BR626037 (300m ²)	24.891.674	25.299.734	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Phú Thuận BR626042 (515m ²)	57.821.481	57.821.481	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Phú Thuận BR626041 (1200m ²)	134.729.666	134.729.666	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Phú Thuận BR626041 (1260m ²)	105.908.403	107.558.925	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Phú Thuận BR626051 (289.071m ²)	17.324.604.019	18.026.952.829	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Phú Thuận BR626039 (600m ²)	67.364.833	67.364.833	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Phú Thuận BR626039 (263m ²)	21.821.103	22.178.826	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Giá trị số sách		Thời gian cầm cố, thế chấp	Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Phú Thuận BR626040 (600m ²)	67.364.833	67.364.833	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Phú Thuận BR626040 (835m ²)	69.377.895	70.509.057	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Phú Thuận BR626049 (146m ²)	727.083	1.454.166	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Phú Thuận BR626050 (274m ²)	1.363.989	2.727.978	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất khu vực Mỹ Long (993,1m ²) DE461105	90.556.526.100	-	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất khu vực Mỹ Long (68m ²) DE461106	9.485.537.128	-	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất khu vực Mỹ Thới 1 (128.409 m ²)	7.427.051.078	7.427.051.078	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Quân đội
Quyền sử dụng đất khu vực Mỹ Thới 2 (7.296 m ²)	385.327.723	385.327.723	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Quân đội
Quyền sử dụng đất khu vực Mỹ Thới 4 (9.055m ²)	502.445.532	502.445.532	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Quân đội
Quyền sử dụng đất khu vực Mỹ Thới 3 (52.883,4m ²)	96.295.857	211.850.883	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Quân đội
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Thoại Sơn (83.460,9m ²)	16.625.799.142	16.625.799.142	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Bình Thạnh 5 BĐ591835 (7.675m ²)	717.970.735	717.970.735	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Bình Thạnh 5 BĐ591836 (51.827m ²)	4.848.243.556	4.848.243.556	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Bình Thạnh 5 BĐ591838 (14.552m ²)	1.361.291.224	1.361.291.224	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Bình Thạnh 5 BĐ591839 (16.890m ²)	1.580.003.351	1.580.003.351	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)
Cộng	782.439.421.034	804.225.510.448		



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

26b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	1.120.650,67	558.186,19
Euro (EUR)	2.426,61	2.430,82
Dollar Úc (AUD)	942,50	153,16
Rub Nga (RUB)	969,59	1.629,59

26c. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Khách hàng nước ngoài	9.718.204,85	188.573.717.763	9.718.204,85	188.573.717.763
Khách hàng trong nước		23.667.721.777		23.667.721.777
Cộng		212.241.439.540		212.241.439.540

Nguyên nhân xóa sổ: Nợ quá hạn thanh toán nhiều năm không thu hồi được.

27. Giá trị các tài sản đang nắm giữ của các bên khác nhưng bị giới hạn sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các khoản nợ phải trả có nghĩa vụ phải thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật

Công ty không có tài sản đang nắm giữ của các bên khác bị giới hạn sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các khoản nợ phải trả mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	-	958.026.683
Doanh thu bán thành phẩm	3.870.519.612.844	2.792.212.322.831
Doanh thu cho thuê	10.448.059.763	5.860.389.570
Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời	3.336.801.795	3.336.750.096
Doanh thu khác	55.986.097.370	7.384.000.402
Cộng	3.940.290.571.772	2.809.751.489.582

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số VIII.1b.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	38.821.744.665	8.774.908.620
Giảm giá hàng bán	4.657.309.028	5.260.228.297
Cộng	43.479.053.693	14.035.136.917



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	933.606.500
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.313.345.622.684	2.329.175.287.320
Giá vốn của điện năng lượng mặt trời	735.885.712	727.921.624
Giá vốn khác	46.409.083.153	5.960.730.769
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8.231.272.911	(23.550.291.128)
Cộng	3.368.721.864.460	2.313.247.255.085

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	22.136.738.090	1.096.712.495
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.247.658	6.020.188
Lãi tiền cho vay	4.173.369	39.185.377
Lợi nhuận được chia	32.120.000.000	2.400.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	8.423.614.749	9.302.924.827
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.610.336.422	1.620.327.720
Lãi bán hàng trả chậm	11.510.113.009	3.299.725.195
Doanh thu hoạt động tài chính khác	182.427.564	64.185.215
Cộng	75.994.650.861	17.829.081.017

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay	45.997.954.406	25.266.780.578
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.350.481.989	2.070.061.449
Dự phòng tổn thất đầu tư	6.833.766.005	644.858.701
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	1.053.860	-
Chi phí tài chính khác	51.230.556	48.331.500
Cộng	58.234.486.816	28.030.032.228

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.509.485.097	3.673.092.456
Chi phí vật liệu, bao bì	140.957.937	112.209.712
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.154.041.786	621.057.436
Chi phí hoa hồng	27.212.508.669	23.172.795.547
Chi phí vận chuyển	73.282.519.296	53.261.356.132
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.863.279.022	27.216.523.019
Các chi phí khác	4.198.802.301	3.262.637.556
Cộng	162.361.594.108	111.319.671.858

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	16.291.203.759	15.334.120.061
Chi phí vật liệu quản lý	938.671.197	629.480.863
Chi phí đồ dùng văn phòng	430.971.426	191.773.304
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.005.783.917	2.194.317.722
Thuế, phí và lệ phí	2.458.558.016	1.720.867.613
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.075.345.465)	185.803.520
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.105.006.099	1.840.853.805
Các chi phí khác	6.149.250.023	4.394.751.231
Cộng	30.304.098.972	26.491.968.119

8. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	219.509.695
Xử lý kiểm kê thừa	-	1.667.000
Xử lý công nợ tồn lâu	12.682.606	221.553.350
Thu từ bồi thường	1.916.214.287	97.709.520
Thu nhập khác	1.125.689.563	1.026.862.326
Cộng	3.054.586.456	1.567.301.891

9. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	67.520.698	-
Truy thu, chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	4.334	12.001.516
Xử lý công nợ tồn lâu	655.715	47.713.600
Chi phí khác	102.434.078	18.520.284
Cộng	170.614.825	78.235.400

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá mua hàng hóa đã bán	-	933.606.500
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.342.642.040.984	1.585.096.451.237
Chi phí nhân công	273.914.897.250	268.338.153.641
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.431.742.988	23.526.749.270
Chi phí dịch vụ mua ngoài	875.676.070.160	533.506.440.015
Chi phí khác	39.722.806.158	39.657.494.399
Cộng	3.561.387.557.540	2.451.058.895.062



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	-	22.592.641.818
Thuế VAT khấu trừ thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	-	2.559.264.182
Nhận nợ thuê tài chính cho tài sản nhập kỳ trước	-	3.000.000.000

2. Số dư các khoản công nợ liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả tiền mua tài sản cố định	7.781.889.046	3.730.835.373
Trả trước tiền mua tài sản cố định	14.196.468.720	30.259.733.465

3. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Theo hướng dẫn của Thông tư 99, các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu "Tiền và các khoản tương đương tiền" mà được trình bày tại chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" hoặc chỉ tiêu "Tài sản dài hạn khác" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Chi tiết về giá trị và lý do hạn chế sử dụng của các khoản tiền và tương đương tiền này được trình bày tại thuyết minh số V.10.

Tổng giá trị các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 19.414.023.382 VND (số đầu năm là 11.661.101.139 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ chỉ có tạm ứng với số tiền là 1.062.722.000 VND (cùng kỳ năm trước là 499.274.000 VND).

Cam kết bảo lãnh

Ông Doãn Tới dùng tài sản cá nhân để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam, Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam), Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited và Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORNBANK (xem thuyết minh số V.23a).



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ông Doãn Chí Thiên dùng tài sản cá nhân bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (xem thuyết minh số V.23a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm toán nội bộ

	Cộng thu nhập
Kỳ này	
Ông Đỗ Lập Nghiệp - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	595.874.000
Ông Doãn Tới - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	92.739.000
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán	456.909.000
Ông Trần Minh Cảnh - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	601.874.000
Ông Lê Tiến Dũng - Trưởng Ban kiểm toán nội bộ	148.130.000
Ông Dương Minh Phong - Thành viên Ban kiểm toán nội bộ	103.101.000
Bà Dương Thị Kim Hương - Phó Tổng Giám đốc	23.859.000
Ông Nguyễn Văn Vỹ - Phó Tổng Giám đốc	555.874.000
Ông Doãn Chí Thiên - Phó Tổng Giám đốc	155.365.000
Bà Nguyễn Hà Thu Diễm - Kế toán trưởng	288.785.000
Cộng	3.022.510.000
Kỳ trước	
Ông Đỗ Lập Nghiệp - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	668.578.000
Ông Doãn Tới - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	112.986.000
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán	514.929.000
Ông Trần Minh Cảnh - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	674.578.000
Ông Lê Tiến Dũng - Trưởng Ban kiểm toán nội bộ	150.599.000
Ông Dương Minh Phong - Thành viên Ban kiểm toán nội bộ	88.334.000
Bà Dương Thị Kim Hương - Phó Tổng Giám đốc	31.248.000
Ông Nguyễn Thanh Liêm - Phó Tổng Giám đốc	16.690.000
Ông Nguyễn Văn Vỹ - Phó Tổng Giám đốc	608.578.000
Bà Nguyễn Hà Thu Diễm - Kế toán trưởng	240.324.075
Cộng	3.106.844.075

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	Công ty con
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	Công ty con



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt	Công ty con (đã giải thể ngày 05/3/2026)
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt	Công ty con
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ và các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV An Độ Dương		
Bán thành phẩm, bao bì	275.761.979.833	520.089.317.063
Bán nguyên vật liệu	19.847.760	980.246.521
Dịch vụ ủy thác	20.000.000	-
Chi phí gia công	213.083.401.394	56.788.210.682
Mua vật tư, nguyên liệu	320.520.037	68.255.009.051
Thuê tài sản hoạt động	7.440.000.000	13.535.000.000
Phí cơ sở hạ tầng, phí xử lý nước thải	-	1.223.133.623
Mua điện	1.401.050.110	4.328.470.773
Chi hộ	1.106.995.439	8.476.594.014
Nhờ chi hộ	57.620.706	-
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú		
Bán nguyên liệu	2.963.406.580	733.447.962
Bán thành phẩm	13.279.435.328	57.621.380
Cho thuê tài sản	883.920.000	-
Mua nguyên vật liệu	155.703.413.370	344.373.785.680
Mua vật tư	1.472.123.962	1.474.768.088
Thu hộ	58.079.400	2.177.014.180
Chi hộ	3.877.953	-
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar		
Doanh thu cho thuê kho	39.000.000	39.000.000
Bán vật tư	3.313.396	-
Mua điện	8.944.330.240	7.343.283.146
Mua vật tư, nguyên liệu	1.664.804	9.295.212
Lợi nhuận được chia	32.120.000.000	2.000.000.000
Chi hộ	13.648.869	-
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar		
Doanh thu cho thuê kho	39.000.000	39.000.000
Mua điện	2.954.923.220	1.405.519.402
Lợi nhuận được chia	-	400.000.000
Ứng trước tiền điện	540.000.000	500.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương Solar		
Doanh thu cho thuê kho	39.000.000	39.000.000
Mua điện	3.921.244.520	2.785.013.008
Ứng trước tiền điện	1.100.000.000	850.000.000
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt		
Mua vật tư, nguyên liệu	-	25.860.000
Lãi vay	-	62.126.631
Nhận lại tiền hoàn vốn đầu tư	170.604.106	-
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt		
Bán thành phẩm	174.373.003.000	67.711.822.500
Bán điện mặt trời	21.889.895	20.971.115
Doanh thu cho thuê	5.508.900.000	5.508.900.000
Bán nguyên vật liệu	2.231.190	89.551.805
Dịch vụ ủy thác	35.000.000	-
Phí sử dụng hạ tầng	-	86.887.074
Mua thức ăn	1.026.285.033.500	1.098.337.301.000
Mua vật tư, nguyên liệu	15.302.316.392	10.539.233.655
Chi hộ	29.984.864.272	1.221.837.960
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt		
Doanh thu cho thuê	57.870.372	57.870.372
Doanh thu bán thành phẩm	17.616.153.184	10.827.098.800
Mua nguyên liệu	2.230.278.960	1.363.673.553
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Thuê kho	43.223.100.160	25.608.071.532
Phí sử dụng hạ tầng, xử lý nước thải	469.387.587	300.559.457
Thu hộ tiền điện	88.174.373	5.993.846.832
Mua vật tư	-	96.817.270
Trả trước tiền mua hàng	-	13.000.000.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Công ty đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt tại Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5a và V.15.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	2.571.703.228.696	1.504.368.399.767
Trong nước	1.325.108.289.383	1.291.347.952.898
Cộng	3.896.811.518.079	2.795.716.352.665

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

2b. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu chỉ là sản xuất chế biến cá với tỷ trọng doanh thu kỳ này chiếm tỷ lệ 98% (cùng kỳ năm trước là 99%).

3. Các giả định và ước tính quan trọng

Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các giả định và ước tính có ảnh hưởng đến số liệu tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính này. Các giả định và ước tính quan trọng được Ban Tổng Giám đốc đánh giá và cập nhật thường xuyên dựa trên kinh nghiệm lịch sử và các yếu tố liên quan khác.

Các ước tính dưới đây được Ban Tổng Giám đốc xác định là có khả năng ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính giữa niên độ trong kỳ kế toán tiếp theo nếu các giả định thay đổi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Công ty ước tính khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa trên đánh giá khả năng thu hồi của từng khoản nợ phải thu theo tuổi nợ và tình hình tài chính của từng khách hàng. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc dự báo khả năng thanh toán của khách hàng trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế biến động.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 tổng số dư nợ phải thu khách hàng là 1.336.521.716.057 VND, trong đó Công ty đã trích lập dự phòng 34.450.901.166 VND. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng không thể thu hồi là thấp dựa trên lịch sử thanh toán của khách hàng và các thông tin hiện có về tình hình tài chính của từng đối tượng nợ.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau để hạn chế rủi ro nợ khó đòi:

- Tăng cường theo dõi và đôn đốc thu hồi công nợ định kỳ.
- Yêu cầu tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh đối với các khoản nợ có giá trị lớn.
- Rà soát hạn mức tín dụng cho từng khách hàng hàng quý.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Công ty ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho dựa trên giá bán dự kiến trừ chi phí bán hàng ước tính. Sự không chắc chắn phát sinh từ biến động giá thị trường, thay đổi nhu cầu của khách hàng và rủi ro lỗi thời của hàng hóa/vật tư tồn kho.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tổng giá trị hàng tồn kho theo giá gốc là 1.196.697.008.956 VND, dự phòng giảm giá đã trích lập là 24.313.467.705 VND. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng giá bán thực tế thấp hơn đáng kể so với ước tính là thấp trong điều kiện thị trường hiện tại, dựa trên xu hướng giá thị trường 6 tháng gần nhất và các đơn hàng đã ký kết.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau để hạn chế rủi ro:

- Kiểm kê và đánh giá chất lượng hàng tồn kho định kỳ hàng quý.
- Điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với nhu cầu thị trường.
- Triển khai các chương trình khuyến mại để đẩy nhanh tiêu thụ hàng tồn kho chậm luân chuyển.
- Đa dạng hóa kênh phân phối để mở rộng thị trường tiêu thụ.

Dự phòng tổn thất tài sản sinh học

Công ty thực hiện đánh giá khả năng tổn thất của tài sản sinh học trên cơ sở tình trạng sinh trưởng, tỷ lệ hao hụt thực tế, giá bán dự kiến, chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí tiêu thụ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Việc xác định giá trị có thể thu hồi của tài sản sinh học chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố như biến động giá thị trường, điều kiện thời tiết, dịch bệnh, tỷ lệ sống, năng suất thu hoạch và các yếu tố khác có thể ảnh hưởng đến giá trị kinh tế của tài sản.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét tình trạng thực tế của tài sản sinh học, kết quả kiểm kê, diễn biến giá thị trường, tỷ lệ hao hụt thực tế và các thông tin liên quan. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định giá trị có thể thu hồi của tài sản sinh học không thấp hơn giá trị ghi sổ, do đó Công ty không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản sinh học tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng phát sinh tổn thất đáng kể đối với tài sản sinh học là không cao trong điều kiện sản xuất và thị trường hiện tại. Đánh giá này được thực hiện dựa trên kết quả theo dõi quá trình sinh trưởng, tỷ lệ hao hụt thực tế, diễn biến giá bán trong thời gian gần đây và kế hoạch tiêu thụ trong thời gian tới.

Để hạn chế rủi ro tổn thất tài sản sinh học, Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau:

- Kiểm kê và đánh giá tình trạng tài sản sinh học định kỳ;
- Theo dõi chặt chẽ quá trình sinh trưởng, tỷ lệ hao hụt và năng suất dự kiến;
- Áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch bệnh và kiểm soát chất lượng theo quy trình kỹ thuật;
- Điều chỉnh kế hoạch sản xuất và thu hoạch phù hợp với điều kiện thị trường và khả năng tiêu thụ;
- Thường xuyên cập nhật diễn biến giá thị trường để có kế hoạch tiêu thụ phù hợp.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ước tính thời gian sử dụng hữu ích và giá trị thu hồi của tài sản cố định

Công ty ước tính thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định dựa trên đánh giá kỹ thuật và kinh nghiệm sử dụng thực tế. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc thay đổi công nghệ, cường độ sử dụng và điều kiện bảo dưỡng thực tế khác với giả định ban đầu, dẫn đến thời gian sử dụng thực tế có thể ngắn hơn hoặc dài hơn ước tính.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tổng nguyên giá tài sản cố định là 1.163.012.727.886 VND, giá trị còn lại 626.599.680.682 VND. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thời gian sử dụng hữu ích thực tế khác biệt đáng kể so với ước tính là thấp đối với phần lớn tài sản.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau:

- Rà soát và điều chỉnh thời gian sử dụng hữu ích định kỳ hàng năm.
- Thực hiện bảo dưỡng định kỳ theo đúng quy trình kỹ thuật.
- Đánh giá dấu hiệu tổn thất tài sản tại mỗi ngày báo cáo theo quy định.
- Lập kế hoạch đầu tư thay thế tài sản kịp thời để tránh gián đoạn sản xuất kinh doanh.

Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

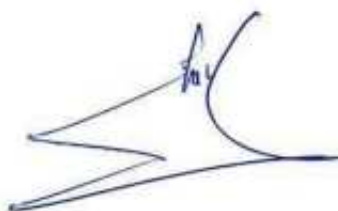
Việc xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đòi hỏi Ban Tổng Giám đốc thực hiện các giả định về khả năng áp dụng các quy định thuế hiện hành và rủi ro bị cơ quan thuế điều chỉnh khi kiểm tra quyết toán thuế.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau:

- Tham vấn chuyên gia thuế về việc áp dụng các quy định thuế đối với các giao dịch phức tạp.
- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ chứng từ để sẵn sàng giải trình với kiểm tra thuế.
- Theo dõi sát diễn biến chính sách thuế và điều chỉnh ước tính kịp thời.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Hoàng Thế Anh
Người lập



Cao Thị Kim Thơ
Kế toán tổng hợp
TUQ của Kế toán trưởng



Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc
TUQ của Người đại diện theo pháp luật

Phê duyệt, ngày 27 tháng 8 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Cổ phiếu mua lại của chính mình	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	2.666.675.000.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	43.816.340.845	2.704.392.920.097
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	312.819.889.844	312.819.889.844
Số dư cuối kỳ trước	2.666.675.000.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	356.636.230.689	3.017.212.809.941
Số dư đầu năm nay	2.666.675.000.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	647.007.760.827	3.307.584.340.079
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	302.489.694.033	302.489.694.033
Số dư cuối kỳ này	2.666.675.000.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	949.497.454.860	3.610.074.034.112

Đơn vị tính: VND

Phê duyệt ngày 27 tháng 8 năm 2026



Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc
TUQ của Người đại diện theo pháp luật

Cao Thị Kim Thơ
Kế toán tổng hợp
TUQ của Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Thế Anh
Người lập

